

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ
MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN HIỆN NAY**

Nguyễn Thị Bích Ngọc¹ và Bùi Quốc Lập²

Tóm tắt: Cùng với quá trình phát triển của đất nước, nông nghiệp, nông thôn đang dần thay đổi: Cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư, nâng cấp; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ô nhiễm môi trường nông thôn gia tăng do chất thải từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, và sinh hoạt đe dọa đến phát triển bền vững. Mục tiêu của bài báo là rà soát công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn nhằm rút ra những ưu điểm và bất cập, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Các nhóm giải pháp kiến nghị là: Hoàn thiện chính sách bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn; Phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước; Tăng cường áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ xanh, sạch phù hợp cho hoạt động nông nghiệp, nông thôn.

Từ khóa: Nông nghiệp, Nông thôn, Chính sách, Môi trường, Phát triển bền vững.

1. MỞ ĐẦU

Khái niệm “Nông thôn” theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP (Chính Phủ, 2010), là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn, được quản lý bởi cấp cơ sở là UBND xã; còn “Nông nghiệp” là ngành sản xuất vật chất, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu tạo ra lương thực thực phẩm. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn đang từng bước phát triển, điều kiện sống người dân nông thôn được cải thiện. Tuy nhiên, những hệ lụy gây ra đến môi trường ngày càng tăng đó là: nước thải ô nhiễm hữu cơ và dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV), rác thải sinh hoạt và nguy hại, mùi hôi dung môi từ quá trình sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp...

Song song với phát triển, hệ thống chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông thôn cũng đã và đang được điều chỉnh, bổ sung trong đó có các nội dung về bảo vệ môi trường (BVMT). Tuy nhiên, một mặt chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mặt khác bộc lộ những bất cập cần được

phân tích đánh giá làm cơ sở đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý.

2. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiếp cận hệ thống: khu vực nông nghiệp, nông thôn là một hệ thống tự nhiên kinh tế xã hội hoàn chỉnh và mở, có mối quan hệ khăng khít với các hệ thống khác thông qua trao đổi vật chất và năng lượng. Xem xét đối tượng nông nghiệp nông thôn trong hệ thống chính sách pháp luật của Việt Nam, phân tích các thành tựu đạt được và bất cập để tìm ra các yếu điểm. Tiếp cận trên quan điểm bền vững là phát triển nông nghiệp nông thôn gắn chặt với bảo vệ, cải thiện môi trường đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo và thiên nhiên.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cơ bản về môi trường, tuy nhiên tập trung chủ yếu là phân tích tổng hợp số liệu. Các văn bản pháp lý được tập hợp để xem xét phân tích phạm vi áp dụng đối với vùng nông thôn, phân tích tính phù hợp thực tiễn của văn bản, đề xuất giải pháp khắc phục những bất cập đã được phân tích.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Những thành tựu cơ bản trong BVMT nông nghiệp, nông thôn

¹ Trung tâm Quốc gia nước sạch và VSMT nông thôn (NCS ĐHTL);

² Khoa Môi trường, Đại học Thủy lợi

3.1.1. Hệ thống thể chế chính sách được hình thành và từng bước hoàn thiện

Hệ thống văn bản về môi trường: Năm 2005, Quốc hội ban hành Luật BVMT (Quốc_Hội, 2005) trên cơ sở sửa đổi bổ sung Luật BVMT 1993. Trong quá trình phát triển, một số vấn đề cần thay đổi để phù hợp với thực tế, Quốc hội đã điều chỉnh và ban hành Luật BVMT năm 2014 (Quốc_Hội, 2014).

Luật BVMT 2005 (Quốc_Hội, 2005) đã quy định: “Xây dựng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, ... thân thiện với môi trường” (Điều 6). Quy định cụ thể về “BVMT trong sản xuất nông nghiệp” (Điều 46); “BVMT đối với làng nghề” (Điều 38). Quy định các nhóm tiêu chuẩn về “môi trường đối với đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản”, nước cho “nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu nông nghiệp”, tiêu chuẩn đối với “không khí ở vùng dân cư nông thôn”; nhóm tiêu chuẩn quản lý chất thải phát sinh từ nông nghiệp như “nước thải từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt”. Luật BVMT 2014 đã đưa “Điều 69. BVMT trong sản xuất nông nghiệp” và “Điều 70. BVMT làng nghề” (Quốc_Hội, 2014).

Nghị Quyết 35/NQ-CP (Chính_Phủ, 2013) xác định “Chất thải sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân nông thôn không được thu gom, xử lý đúng quy cách hợp vệ sinh; tình trạng sử dụng phân bón hoá học, thuốc BVTV tràn lan dẫn đến ô nhiễm môi trường nông thôn ngày càng gia tăng. Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề vẫn khó kiểm soát, xử lý và khắc phục, có nơi ngày càng trở nên trầm trọng”. Vì vậy cần “Tập trung khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề” (Chính_Phủ, 2013). Điểm 1 của Điều 11 trong Nghị định số 19/2015/NĐ-CP nêu “Chất thải từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ, dân sinh; khai thác, chế biến khoáng sản; tái chế, xử lý chất thải; lưu giữ, tồn lưu hoá chất, thuốc BVTV, chất độc chiến tranh”. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (Chính_Phủ, 2015b) về quản lý chất thải và phế liệu có Điều 51 quy định quản lý chất thải từ hoạt động nông nghiệp.

Cùng với việc ban hành và thực hiện công tác

BVMT trên cả nước, Bộ NN&PTNT đã tham mưu ban hành nhiều văn bản: Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 42/2012/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất lúa; Nghị định số 114/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón; Chỉ thị số 10/CT-TTg về kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường trong sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; Thông tư số 09/2014/TT-BNNPTNT về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ NN&PTNT quản lý; Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT hướng dẫn hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn... và nhiều văn bản khác.

3.1.2. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về môi trường nông nghiệp nông thôn đã được hình thành và phát triển

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ NN&PTNT, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan đầu mối quản lý toàn ngành về công tác BVMT nông nghiệp, nông thôn. Các Tổng cục Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thủy sản có Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế có chức năng quản lý nhà nước về môi trường lĩnh vực chuyên ngành. Một số Cục chuyên ngành: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y có Phòng quản lý môi trường; các Cục khác có phòng chuyên môn quản lý môi trường lĩnh vực chuyên ngành. Các Sở NN&PTNT được UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương giao chủ trì thực hiện công tác BVMT nông nghiệp, nông thôn ở các địa phương.

Một số cơ quan sự nghiệp về môi trường được thành lập mới hoặc củng cố, nâng cấp: Viện Môi trường Nông nghiệp thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Viện Sinh thái rừng và Môi trường thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Một số Viện chuyên ngành có các Trung tâm hoặc Phòng môi trường triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về môi trường. Trường Đại học Thủy lợi có Viện Thủy

văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu; Trường Đại học Lâm nghiệp có Viện Sinh thái rừng và Môi trường.

3.1.3. Các nguồn ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn từng bước được kiểm soát

Bộ NN&PTNT đã thực hiện nhiều chương trình, quy trình canh tác bền vững nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tránh xói mòn rửa trôi, sa



Hình 1. Mô hình thâm canh lúa theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre

mạc hóa, mặn hóa:

(1) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng BVMT và thích ứng với BĐKH, điển hình phải kể đến một số mô hình tại vùng đồng bằng sông Cửu Long như: Trồng lúa – nuôi tôm, chuyển đổi 3 vụ lúa sang 2 vụ lúa, 1 vụ màu... (Hình 1). Hay các mô hình thâm canh lúa chống chịu ngập úng, nhiễm mặn, hạn hán tại một số tỉnh miền Trung (Hình 2)



Hình 2. Mô hình chuyển đổi giống lúa trên vùng úng ngập và nhiễm mặn tỉnh Bình Định

(2) Kiểm soát và giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm môi trường như: chương trình thâm canh lúa cải tiến (SRI); “3 giảm 3 tăng” (3 giảm là: giống gieo sạ; thuốc trừ sâu; phân đạm và 3 tăng là: năng suất; chất lượng gạo; hiệu quả kinh tế) và “1 phải 6 giảm” (1 phải là: Phải sử dụng giống lúa xác nhận; 6 giảm là: Giảm lượng giống; thuốc BVTV; phân đạm; nước tưới; tồn thất sau thu hoạch và phát khí thải nhà kính) đã mang lại hiệu quả BVMT (Bộ NN&PTNT, 2015).

(3) Các biện pháp tăng cường kiểm soát sử

dụng hóa chất trong nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp theo hướng VietGAP, sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong chăn nuôi; hướng dẫn, phổ biến kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học; triển khai các giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động chăn nuôi để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia NS&VSMTNT giai đoạn 2011-2015 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, cụ thể trong Bảng 1:

Bảng 1. Tóm tắt kết quả thực hiện Chương trình NS&VSMTNT giai đoạn 2011 - 2015

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện			
			2011	2012	2013	2015
1. Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước HVS	%	85	78	80	82	86,0
2. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu HVS	%	65	55	57	60	46

Bên cạnh các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường do Bộ NN&PTNT thực hiện, một số địa phương đã thực hiện thí điểm thành công mô hình thu gom và đốt rác như mô hình tại xã Hải

Tây, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc... với quy trình chung: rác thải sinh hoạt → thu gom vận chuyển đến lò đốt → Phân loại rác tái sinh để tái

sử dụng; phần còn lại cho vào nghiền → đốt rác. Bước đầu các mô hình này đã thu được hiệu quả như: giảm diện tích chôn lấp, hạn chế ô nhiễm nước mặt – nước ngầm. Tuy nhiên cũng nảy sinh nhiều bất cập như: bụi khí thải không được xử lý hoặc xử lý chưa triệt để (kết quả đo đạc hàm lượng bụi tại một số lò đốt vượt quá quy chuẩn từ 2- 6 lần), chi phí vận hành lớn, chưa tận dụng được nhiệt dư từ quá trình đốt (Nguyễn Tiến Dũng và nnk, 2017).

3.1.4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức BVMT được thực hiện nhằm tăng cường hiệu quả quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn

Công tác tuyên truyền cung cấp thông tin BVMT nông nghiệp, nông thôn đã được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tích cực như hưởng ứng ngày Môi trường thế giới 5/6, ngày Đa dạng sinh học 22/5 với nhiều chủ đề khác nhau. Tổ chức nhiều hội thảo, tập huấn cho ngành nhằm nâng cao năng lực quản lý, BVMT nông nghiệp, nông thôn. Qua hội thảo đã phổ biến được các thông tin về tình hình môi trường, cập nhật các văn bản mới có liên quan đạt kết quả tốt và được các địa phương, đơn vị tham dự đánh giá cao.

3.1.5. Xây dựng nông thôn mới thân thiện với môi trường

Trong 19 tiêu chí quy định theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, vấn đề môi trường thuộc tiêu chí 17; trong đó, có nói đến 8 nội dung, đó là: Tỷ lệ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp; Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.... Theo văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cho biết, theo số liệu báo cáo của các địa phương, đến hết tháng 11/2017, cả nước có 2.884 xã (32,30%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Bộ mặt nông thôn đã có những thay đổi đáng kể, đặc biệt cảnh quan môi trường được cải tạo xanh, sạch, đẹp, hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với

môi trường; gắn kết giữa văn hoá với du lịch; các hộ dân đã tích cực cải tạo, nâng cấp đường làng, ngõ xóm, cải tạo vườn, hàng rào, trồng cây xanh nơi công cộng, không còn hiện tượng vứt rác thải bừa bãi.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

3.2.1. Ô nhiễm môi trường nông nghiệp nông thôn vẫn gia tăng

Mặc dù đã đạt được những kết quả trong BVMT nông nghiệp, nông thôn nhưng tình trạng ô nhiễm môi trường trong một số lĩnh vực có xu hướng gia tăng:

Sử dụng phân bón không an toàn đang gây ảnh hưởng không nhỏ đến cây trồng và môi trường. Bình quân tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng khoảng 2,4 triệu tấn/năm, mỗi năm thải ra môi trường khoảng 240 tấn bao bì, vỏ hộp và phần lớn không được thu gom.

Tình trạng sử dụng thuốc BVTV có xu hướng gia tăng, thiếu kiểm soát. Thống kê của Cục BVTV, mỗi năm Việt Nam nhập khẩu khoảng từ 70 đến hơn 116 nghìn tấn hóa chất BVTV; trong đó lượng bao bì chiếm khoảng 10% tổng số thuốc tiêu thụ không được thu gom đã ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái và là nguy cơ đe dọa sức khỏe cộng đồng

Năm 2014, ước tính chất thải chăn nuôi là 82,27 triệu tấn, trong đó 60% được xử lý, còn lại xả trực tiếp vào môi trường. Số liệu điều tra năm 2013 của Cục Chăn nuôi cho thấy tỷ lệ sử dụng biogas chiếm 31,79%, tuy nhiên đã bộc lộ nhiều nhược điểm như nước thải sau biogas chưa đạt yêu cầu, khí thải từ các chuồng trại chưa được xử lý.

Hiện cả nước còn 34.642 điểm giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, không đảm bảo vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường và nằm ngoài tầm kiểm soát của cơ quan thú y, chỉ có 12.392 điểm giết mổ nhỏ lẻ (35,8%) được kiểm soát.

Trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, kiểm soát môi trường ao nuôi, xử lý nước thải còn nhiều bất cập. Trong quá trình sản xuất, chế biến thủy sản cũng tạo ra một lượng lớn chất thải rắn, nước thải chứa các chất hữu cơ được xử lý khoảng 30%, phần còn lại không được xử lý, xả trực tiếp gây ô nhiễm môi trường.

Tình trạng ô nhiễm ở các hệ thống thủy nông khá phức tạp, phụ thuộc nguồn thải, quá trình vận hành của hệ thống. Kết quả quan trắc tại một số hệ thống thủy nông cho thấy nhiều thông số chất lượng nước vượt từ 3-5 lần giá trị giới hạn cho phép, không đủ tiêu chuẩn cấp cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản (Bộ_NN&PTNT, 2015).

Ô nhiễm làng nghề đã và đang diễn ra khá nghiêm trọng. Một số các làng nghề vùng ven đô đã bước đầu xử lý chất thải, còn lại đa số công tác BVMT tại các làng nghề được bỏ trống.

3.2.2. Chính sách quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn còn bất cập

Mặc dù, tại Điểm 3 của Nghị Quyết số 35/NQ-CP (Chính_Phủ, 2013) đã xác định “*Tập trung khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề*”. Nhưng do Luật BVMT 2014 (Quốc_Hội, 2014) và các Nghị định của Chính phủ không nêu rõ trách nhiệm quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn mà gắn với các nhiệm vụ chung: BVMT trong khai thác, sử dụng tài nguyên, thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu và BVMT nước, đất và không khí. Do vậy, hệ thống các Thông tư, Nghị định cũng không chi tiết hóa.

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ (Chính_Phủ, 2015a) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT trong đó Điểm 1 của Điều 11. Xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất “*Chất thải từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ, dân sinh; khai thác, chế biến khoáng sản; tái chế, xử lý chất thải; lưu giữ, tồn lưu hoá chất, thuốc BVTV, chất độc chiến tranh*”.

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ (Chính_Phủ, 2015b) về quản lý chất thải và phế liệu quy định tại Điều 51. Quản lý chất thải từ hoạt động nông nghiệp: (1) *Các CTNH là bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất độc hại sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định về CTNH*; (2) *Các bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng đã được làm sạch các thành phần nguy hại thì được quản lý như đối với chất thải thông*

thường; (3) *Nước thải chăn nuôi được tái sử dụng để tưới cây hoặc dùng trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác theo quy định của Bộ NT&PTNT và Bộ TN&MT*; (4) *Bộ NT&PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT hướng dẫn chi tiết về việc thu gom, lưu giữ chất thải phát sinh trong các hoạt động nông nghiệp*. Tuy nhiên, vẫn chưa có các thông tư hướng dẫn cụ thể để người dân và nhà quản lý thực hiện.

Các hướng dẫn BVMT: (1) Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT quy định đề án BVMT chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; (2) Thông tư số 27/2015-BTNMT về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; (3) Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; (4) Thông tư số 35/2015-BTNMT về quản lý CTNH; (5) Thông tư số 35/TT-BTNMT về BVMT khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Các thông tư này có đề cập đến sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên ở dạng quy mô công suất lớn, các sản xuất nhỏ lẻ, dạng làng nghề chưa được chi tiết hóa.

Như vậy chưa có các quy định chi tiết, cụ thể về quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn từ trung ương đến địa phương. Trong khi sức ép đối với môi trường nông thôn từ các hoạt động phát triển dân sinh, nông nghiệp và biến đổi khí hậu ngày càng lớn.

4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

4.1. Tiếp tục hoàn thiện chính sách BVMT nông nghiệp, nông thôn

- Rà soát bổ sung các văn bản dưới Luật hướng dẫn chi tiết đồng bộ, kịp thời để thực thi hiệu quả nhiệm vụ quản lý và BVMT nông nghiệp, nông thôn;

- Ban hành một số chính sách đặc thù: chính sách thu hút sự tham gia của các bên, trong đó có cộng đồng và thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào các hoạt động BVMT; chính sách khuyến khích, hỗ trợ quản lý chất thải nông thôn...;

- Các văn bản hướng dẫn cần xác định công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để tăng cường quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn.

4.2. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn từ trung ương đến địa phương

- Quy định rõ vai trò trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị ngành nông nghiệp. Chính quyền cơ sở phải chịu trách nhiệm chất lượng môi trường trên địa bàn.

- Cụ thể hóa các văn bản để triển khai BVMT nông thôn một cách hiệu quả.

- Tăng cường giám sát đánh giá, xử lý nghiêm những vi phạm, gây ô nhiễm môi trường.

- Kiên quyết dừng sản xuất kinh doanh đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4.3. Tăng cường áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ xanh, sạch phù hợp cho hoạt động nông nghiệp, nông thôn

- Nghiên cứu, thí điểm và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, xanh, sạch bền vững để áp dụng trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Tách khu vực sản xuất làng nghề ra khỏi khu dân cư. Xây dựng cụm công nghiệp làng nghề theo quy chuẩn, có giải pháp xử lý nguồn gây ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ giải pháp xử lý chất thải làng nghề phù hợp cho từng vùng trong cộng đồng để

giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường nông nghiệp, nông thôn.

- Nhân rộng các mô hình đã triển khai thành công trong sản xuất và BVMT điển hình ví dụ như mô hình thu gom xử lý thuốc BVTV (Sở_KH&CN_Hà_Nội, 2015). Công tác thu gom bao bì thuốc BVTV đã được tiến hành trên nguyên tắc bắt buộc thu gom có vai trò quản lý của Nhà nước. Tùy theo điều kiện cụ thể, mỗi địa phương có thể áp dụng 1 trong 3 mô hình thu gom bao bì là: *Thu gom phân tán*: được thực hiện ngay tại các bể đặt gần ruộng sản xuất (Hình 3); *Thu gom tập trung*: bể thu gom và xử lý được đặt ở đầu lối về làng (Hình 4); *Thu gom tập trung kết hợp quản lý thuốc BVTV*: bể thu gom được đặt ngay cạnh bể nước sử dụng để pha thuốc. Sau khi pha thuốc xong, có thể bỏ vỏ ngay vào thùng.

Sau thu gom, từng địa phương tiếp tục xử lý bằng các hình thức khác nhau như bảo quản chờ tiêu hủy tập trung, đốt cùng rác sinh hoạt. Mô hình này đã đem lại hiệu quả môi trường rõ rệt, giảm thiểu ô nhiễm mùi, ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí. Mô hình thu gom sẽ nâng cao nhận thức và thu hút được sự quan tâm thực sự của người dân, khuyến khích họ tham gia một cách chủ động vào công tác thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV.



Hình 3. Bể chứa bao bì thuốc BVTV đặt ở gần ruộng sản xuất



Hình 4. Bể chứa bao bì thuốc BVTV đặt ở đầu làng

5. KẾT LUẬN

Cho đến nay, những thành tựu BVMT nông nghiệp, nông thôn như: thể chế chính sách và luật pháp đã hình thành và từng bước hoàn thiện; công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn bước đầu đã đem lại kết quả nhất

định. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập và tồn tại, đòi hỏi cần phải có những đề xuất cụ thể.

Các đề xuất được đưa ra là: Hoàn thiện chính sách BVMT nông nghiệp, nông thôn; Phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước; Tăng cường áp dụng các giải pháp

khoa học công nghệ xanh, sạch phù hợp cho hoạt động nông nghiệp, nông thôn

Các kết quả nghiên cứu này có thể là tham khảo cho ngành NN&PTNT thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn tới.

Các kết quả trong nghiên cứu này mới chỉ là bước đầu, cần tiếp tục có những nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa để từng bước hoàn thiện công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ_NN&PTNT. (2015). *Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2011-2015 và định hướng giai đoạn 2016-2020*.
- Bộ_TN&MT. (2015). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015*.
- Bộ_TN&MT. (2014). *Báo cáo môi trường quốc gia 2014*.
- Chính_Phủ. (2015a). *Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường*.
- Chính_Phủ. (2015b). *Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu*.
- Chính_Phủ. (2010). *Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.
- Chính_Phủ. (2013). *Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*.
- hộiQuốc. (2005). Luật BVMT.
- Nguyễn Tiến Dũng, n. (2017). *"Bước đầu đánh giá hiện trạng xử lý khí thải lò đốt rác sinh hoạt cỡ nhỏ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc"*. Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên 2017. Trường Đại học Thủy lợi.
- Quốc_Hội. (2005). *Luật Bảo vệ môi trường*.
- Quốc_Hội. (2014). *Luật Bảo vệ môi trường*.
- Sở_KH&CN_Hà_Nội. (2015). *Hướng đi mới trong công tác thu gom và xử lý bao bì thuốc trừ sâu bảo vệ thực vật*. Hà Nội: Đề tài MS: 01C-09.

Abstract:

SOME ISSUES ON THE EXISTING MANAGEMENT OF RURAL AND AGRICULTURAL ENVIRONMENT

Along with the national development, agriculture, rural areas gradually have been changed: the infrastructure have been invested and upgraded step by step; material life, spirit of rural residents have been improved more and more. However, during the development process, rural environmental pollution is increasing due to waste generated from cultivation, livestock and the domestic activities which are threatening to the sustainable development of the countryside. This paper aims at reviewing the performance of the agricultural and rural environment protection in order to draw advantages and disadvantages so as to propose the appropriate solutions. The proposed solutions are: improving the policy of agricultural and rural environmental protection; to clearly define the roles and responsibilities of the State management agencies; to enhance the application of green and clean scientific and technological solutions suitable for agricultural and rural activities

Keywords: Agriculture, Countryside, Policy, Environment, Sustainable Development

Ngày nhận bài: 29/5/2018

Ngày chấp nhận đăng: 08/5/2018